

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 597/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Thịnh Quang Thắng.**

Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông **Nguyễn Tuấn Anh**
2/ Bà **Nguyễn Thị Vân Anh**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Hải Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Kim Thanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 30-8-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 358/2022/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2022. Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2022/QĐST ngày 12/8/2022. Giữa các đương sự:

1 Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Xuân N**, sinh năm 1984; Cư trú tại thôn V, xã V, huyện Đ, Hà Nội; Có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Hoàng Thị T**, sinh năm 1990; Cư trú tại: thôn V, xã V, huyện Đ, Hà Nội; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2022, các lời khai bổ sung, anh Nguyễn Xuân N - nguyên đơn trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị **Hoàng Thị T** kết hôn ngày 24/12/2010, có đăng ký kết hôn UBND xã V. Trước khi cưới anh chị có tự do tìm hiểu. Sau khi cưới chị T về chung sống và chuyển khẩu về cùng với gia đình anh tại thôn Vĩnh Thanh, xã V, Đông Anh, Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do chị **Hoàng Thị T** thường xuyên bỏ đi, cầm cố tài sản của gia đình để chơi bời. Sau đó anh đã làm đơn xin ly hôn chị T tại Tòa án nhân dân huyện Đông Anh. Vợ chồng hòa giải, chị T xin về để chăm

con. Anh bỏ qua cho chị T. Nhưng một thời gian sau đến năm 2022 thì chị T lại mang con ra ngoài ở nhưng không thông báo cho anh chỗ ở của chị T ở đâu. Hiện nay chị T cũng không ở quê (nhà bố mẹ đẻ) là khu phố Rừng, phường Trang Hạ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh ở. Anh đã gặp và nói chuyện với bố mẹ vợ là bà Phan Thị Hòa và ông Hoàng Đức T về chuyện của hai vợ chồng. Ý kiến của bố mẹ đẻ của chị T là cho chị T cơ hội để sửa chữa nhưng anh không đồng ý. Hiện nay chị T cố tình gây khó khăn cho anh. Nay anh xác định tình cảm không còn anh xin ly hôn chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn Hoàng Xuân T, sinh ngày 22/8/2011, Nguyễn Thị Bảo T1, sinh ngày 30/9/2012, Nguyễn Thị Hồng N1, sinh ngày 24/11/2014 và Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 16/3/2016. Hiện nay cháu T, cháu Bảo, cháu T1 đang ở với anh. Còn cháu O chị T đã đưa đi cùng từ đầu năm 2022 và hiện đang ở với chị T. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 04 con chung và không yêu cầu giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm tự do, thu nhập bình quân là 14.000.000đ/tháng.

- Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần chị Hoàng Thị T là bị đơn đến Tòa án làm việc nhưng chị T không có mặt. Chị T đã vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết, hòa giải nên Tòa án không ghi được ý kiến của chị T.

* Ông Hoàng Đức T là bố đẻ chị Hoàng Thị T trình bày: Chị T và anh N kết hôn năm 2010. Quá trình chung sống của anh chị, ông cũng không nắm rõ mâu thuẫn của anh chị. Chị T hiện nay đã ra ngoài thuê trọ để đi làm nhưng chị T ở đâu thì ông cũng không biết. Gia đình chỉ liên lạc với chị T qua Zalo. Tòa án có gửi giấy triệu tập chị T về nhà ông. Gia đình cũng đã thông báo cho chị T biết nhưng chị T không ý kiến gì. Ông đã khuyên chị T về để vợ chồng dàn xếp hòa giải và ra tòa nói rõ quan điểm nhưng chị T không nghe.

Tại phiên tòa:

+ Anh N vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn chị T ; Về con chung: vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn Hoàng Xuân T, sinh ngày 22/8/2011, Nguyễn Thị Bảo T1, sinh ngày 30/9/2012, Nguyễn Thị Hồng N1, sinh ngày 24/11/2014 và Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 16/3/2016. Ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng 03 con chung là cháu T, cháu T1, cháu N1. Còn cháu O để chị T nuôi dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết và vấn đề cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo trình tự thủ tục pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã chấp hành tốt pháp

luật không phải nhắc nhở, kiến nghị gì. Bị đơn không chấp quy định pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án nên cần kiến nghị, nhắc nhở.

- Về nội dung vụ án:

+ Sau khi phân tích các tình tiết nội dung của vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy căn cứ xin ly hôn của anh N là hợp pháp, việc anh N xin ly hôn là có căn cứ được chấp nhận.

+ Về con chung: Vợ chồng anh chị có 04 con chung là Nguyễn Hoàng Xuân T, sinh ngày 22/8/2011, Nguyễn Thị Bảo T1, sinh ngày 30/9/2012, Nguyễn Thị Hồng N1, sinh ngày 24/11/2014 và Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 16/3/2016. Ly hôn, giao anh N nuôi dưỡng 03 con chung là cháu T, cháu T1, cháu N1. Còn cháu O để chị T nuôi dưỡng. Anh N không yêu cầu xem xét giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

+ Về án phí: Anh N phải chịu cả

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Anh N kết hôn với chị Hoàng Thị T ngày 24/12/2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, Hà Nội. Chị T hiện cư trú tại thôn N, xã V, huyện Đ, Hà Nội. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đến phiên tòa cho chị Hoàng Thị T, nhưng chị T vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết vụ án và không thực hiện thông báo giao nộp chứng cứ của Tòa án. Như vậy, chị T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Đông Anh tiến hành xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị T là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ vợ chồng: Anh Nguyễn Xuân N và chị Hoàng Thị T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T thường xuyên chơi bời cầm cố tài sản của gia đình. Vợ chồng anh N, chị T đã

ly thân từ tháng 3/2022 đến nay. Nay anh N xin ly hôn, chị T không có quan điểm và không trình bày nguyện vọng.

Căn cứ tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương, gia đình anh N, chị T thể hiện: Anh chị có nhiều mâu thuẫn, đã ly thân. Bố để chị T cho biết hiện nay chị T đi làm ăn ở đâu không biết nhưng vẫn liên hệ về gia đình.

Xét thấy, anh chị đã sống ly thân từ tháng 3/2022 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Gia đình hai bên cũng đã hòa giải vợ chồng nhưng anh chị không thể hàn gắn được mà vẫn mỗi người ở một nơi. Từ phân tích trên cho thấy mâu thuẫn giữa anh N và chị T đã quá căng thẳng và trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh N xin ly hôn với chị T là có căn cứ và phù hợp qui định của pháp luật nên được chấp nhận là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Anh N, chị T có 04 con chung là Nguyễn Hoàng Xuân T, sinh ngày 22/8/2011, Nguyễn Thị Bảo T1, sinh ngày 30/9/2012, Nguyễn Thị Hồng N1, sinh ngày 24/11/2014 và Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 16/3/2016. Ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng 03 con chung là cháu T, cháu T1, cháu N1. Còn cháu O để chị T nuôi dưỡng. Hiện nay cháu T, Trang, Ngọc đang ăn ở, học tập và sinh sống với anh N. Còn cháu O ăn ở cùng với chị T.

Xét yêu cầu nuôi con của anh N: Hiện nay anh N vẫn đang trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là cháu T, cháu T1, cháu N1. Còn chị T đang nuôi dưỡng cháu O. Do đó để tạo sự ổn định và phát triển tâm sinh lý của các cháu. Căn cứ vào thực tế, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ về thể chất và tinh thần. Do đó, giao cháu T, cháu T1, cháu N1 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu O cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh N không yêu cầu giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết việc cấp dưỡng nuôi chung cho đến khi nào các con thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Xuân N đối với chị Hoàng Thị T. Anh Nguyễn Xuân N được ly hôn chị Hoàng Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Xuân T, sinh ngày 22/8/2011, Nguyễn Thị Bảo T1, sinh ngày 30/9/2012, Nguyễn Thị Hồng N1, sinh ngày 24/11/2014 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 16/3/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị T, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức chung: Các bên không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai số AA/2020/0046577 ngày 03/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Anh N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm. Anh Nguyễn Xuân N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Hoàng Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS Đông Anh;
- THA Đông Anh;
- TAND thành phố Hà Nội;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ;

Thịnh Quang Thắng